TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2022
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Đoàn

2. Ông Nguyễn Hữu Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **D**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022 nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh D sau thời gian quen biết tìm hiểu nhau và chung sống như vợ chồng vào năm 2004, không tổ chức lễ cưới, không tặng cho nữ trang; đăng ký kết hôn ngày 09/4/2008 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng về sống ở ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long; hạnh phúc được khoảng 10 năm; có 03 con chung L1, sinh ngày

09/9/2005, L2, sinh ngày 24/9/2013 và L3, sinh ngày 24/9/2013, hiện sống với anh D. Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường gây gổ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu giải quyết ly hôn anh D. Về con chung: L1, sinh ngày 09/9/2005, L2, sinh ngày 24/9/2013 và L3, sinh ngày 24/9/2013 tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con thì không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2022 bị đơn anh D trình bày:* Anh và chị T quen biết và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2002, không tổ chức lễ cưới, không tặng cho nữ trang; đăng ký kết hôn ngày 09/4/2008 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng anh không còn sống chung từn năm 2018 đến nay. Anh và chị T có 03 con chung L1, sinh ngày 09/9/2005, L2, sinh ngày 24/9/2013 và L3, sinh ngày 24/9/2013; hiện L2 và L3 sống với anh, riêng L1 đang đi làm ở Long An, thỉnh thoảng có về nhà ở với anh. Quá trình chung sống, anh chị không có tài sản chung, nợ chung. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn; anh yêu cầu được quyền nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì bận đi làm, không sắp xếp được thời gian đến Tòa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2022 cháu L2 trình bày: cha cháu tên D, mẹ cháu tên T. Cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với cha.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2022 cháu L3 trình bày: cha cháu tên D, mẹ cháu tên Tủy. Cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với cha.

- *Tại phiên tòa*: Chị T yêu cầu được ly hôn anh D; chị đồng ý giao các con cho anh D nuôi dưỡng; tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh D. Về con chung: giao L1, sinh ngày 09/9/2005, L2, sinh ngày 24/9/2013 và L3, sinh ngày 24/9/2013 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng; chị T không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Về quan hệ tài sản: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn D, anh D có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh D yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đồng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ năm 2018 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D, chị yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

L2, sinh ngày 24/9/2013 và L3, sinh ngày 24/9/2013 hiện đang sống với anh D, đều có nguyện vọng sống với cha. Riêng đối với L1, sinh ngày 09/9/2005, hiện đang đi làm ở Long An, thỉnh thoảng có về nhà ở cùng anh D. Anh D yêu cầu được quyền nuôi 03 con chung, chị T đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao cháu L1, L2 và L3 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên anh D không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T và anh D không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh D.

2. Về con chung:

2.1. Giao L1, sinh ngày 09/9/2005, L2, sinh ngày 24/9/2013 và L3, sinh ngày 24/9/2013 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh D không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị T và anh D không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị T nộp theo biên lai thu số 0013601 ngày 11/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Thành Trung, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân